

Bản án số: 31/2025/HSST
Ngày 25/9/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12, TỈNH PT

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hoa và bà V Thị Hương;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Văn Duy - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Pt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Pt tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Pt mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2025/TLST-HS, ngày 15/9/2025; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST - HS ngày 15 tháng 9 năm 2025, đối với:

Bị cáo: **Võ Trường G**, sinh ngày 17 tháng 12 năm 1996. Nơi cư trú: Tổ 7, Ấp Cây Liễu, xã Minh T, thành phố H Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông Võ Văn S, sinh năm 1969 và con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/7/2025 đến nay tại Trại tạm giam số 03 – Công an tỉnh Pt. Có mặt.

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995. Cư trú tại: Tổ Vôi, phường Thống Nhất, tỉnh Pt. Vắng mặt, có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 05/5/2008 (vắng mặt). Đại diện hợp pháp của cháu T: Bà Đinh Thị D (mẹ đẻ của cháu T), sinh năm 1989 (vắng mặt). Cùng cư trú tại: Xóm Suối Thương, xã ĐB, tỉnh Pt; cháu Đinh Ly V, sinh ngày 27/8/2009 (vắng mặt). Đại diện hợp pháp của cháu V: Bà Đinh Thị I (mẹ đẻ của cháu V), sinh năm 1982 (vắng mặt). Cùng địa chỉ: Xóm Suối Thương, xã Đ, tỉnh Pt. Người bảo vệ quyền và lợi ích cho cháu Nguyễn Thanh T và cháu Đinh Ly V: Bà Đinh Thị Q - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước số 3, tỉnh Pt (vắng mặt).

Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1979. Cư trú tại: Tổ 5, phường HB, tỉnh Pt (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Trường G, sinh năm 1996, trú tại: Ấp Cây Liễu, xã MT, thành phố H; Đinh Ly V, sinh ngày 27/8/2009, trú tại: xóm Suối Thương, xã Đ, tỉnh Pt và Nguyễn

Thanh T, sinh ngày 05/5/2008, trú tại: xóm Suối Thượng, xã Đ, tỉnh Pt đều là nhân viên phục vụ tại quán ăn “3 em”, có địa chỉ tại số nhà 24, đường Hai Bà Trưng, tổ 9, (phường PLcũ), phường HB, tỉnh Pt do chị Nguyễn Thị T, sinh 24/8/1995, HKTT: tổ Vôì, phường Thống Nhất, tỉnh Pt và Nguyễn Thị G, sinh 10/12/1997, HKTT: tổ 10, phường Tân Hòa, tỉnh Pt làm chủ. Do là nhân viên của quán nên Võ Trường G, Đinh Ly V biết rõ chị T hay để tiền ở quán, nắm rõ lịch sinh hoạt của chị T tại quán. Để có tiền tiêu xài cho mục đích cá nhân nên V đã rủ G khi nào chị T đi ra ngoài thì sẽ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị T. V sẽ là trực tiếp lấy trộm, V bảo G đứng ở cầu thang để quan sát nếu thấy chị T về thì thông báo cho V. Khoảng 21 giờ ngày 11/6/2025, khi thấy chị T đi tắm, G đã đứng cạnh giới ở tầng 2 để V đi lên tầng 3, vào phòng chị T lục tìm tài sản. Tại đây, V đã phát hiện một tập tiền được kẹp trong quyển sổ màu xanh để tại gầm bàn trang điểm của chị T có các mệnh giá là 200.000 đồng và 500.000 đồng. Sau đó V đã nói cho ề số tiền đã nhìn thấy. G và V cùng thống nhất không lấy tiền ngay mà chờ chị T đi vắng thì sẽ thực hiện hành vi trộm cắp. Vào khoảng 23 giờ ngày 15/6/2025, khi chị T đi ra khỏi nhà, G đã thông báo với V. G đứng ở chân cầu thang tầng 1 để cảnh giới đề phòng chị T về và rút dây điện kết nối với nguồn của cục phát Wifi với mục đích vô hiệu hóa camera giám sát tại quán. Lúc này, V đi lên tầng 2 của quán rút dây kết nối mạng của camera giám sát rồi đi lên tầng 3. Tại tầng 3, thấy phòng ngủ của Trang không khóa, V đi vào phòng lục tìm tiền thì thấy tập tiền có các tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng và 500.000 đồng được để trong quyển sổ màu xanh đặt tại gầm bàn trang điểm. V dùng tay phải cầm lấy tiền rồi đi xuống phòng ở của nhân viên ở tầng 2. V gọi G đi lên phòng và đưa cho G một tập tiền gồm mệnh giá 200.000 đồng và 500.000 đồng rồi cả hai tự đếm số tiền mình đang cầm. G ở trong phòng nhân viên đếm được số tiền là 10 triệu đồng. Số tiền còn lại V đem vào nhà tắm tầng 2 và đếm được 05 triệu đồng. Đến khoảng 02 giờ ngày 16/6/2025, V gặp G và yêu cầu G đưa lại cho V số tiền 04 triệu đồng, G đưa cho V số tiền này. Tổng số tiền V và G trộm cắp được là 15 triệu đồng. Trong đó V 09 triệu đồng, G 06 triệu đồng. Hai người đã sử dụng vào mục đích cá nhân hết.

Ngày 02/7/2025 chị Nguyễn Thị T đã đến trụ sở Công an phường HB, tỉnh Pt để trình báo. Ngày 04/7/2025 Võ Trường G đã đến Công an để đầu thú. Khi trình báo chị Nguyễn Thị T khai bị mất 30 triệu đồng. Tuy nhiên, quá trình điều tra bị hại khai không đồng nhất, không xác định được chính xác số tiền bị thâm hụt là do bán hàng hay bị trộm cắp. Bản thân G không thừa nhận nên không đủ căn cứ kết luận trong vụ án này. Quá trình điều tra, V khai nhận đã từng nhìn thấy Nguyễn Thanh T nhiều lần trộm cắp tài sản là số tiền khách trả tiền ăn và T từng gọi điện nói với V đã trộm được số tiền 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*) của chị T. Quá trình làm việc, Nguyễn Thanh T khai nhận được Nguyễn Thị T thuê từ tháng 4 năm 2025. Trong quá trình làm việc tại quán “3 em” Nguyễn Thanh T đã trộm 05 lần tài sản là tiền bán hàng được đựng ở giỏ đựng tiền ở vách ngăn giữa gian bếp tầng 1 và phòng ăn tầng 1. Lần đầu tiên T trộm là cuối tháng 4, sau đó cách khoảng 02 đến 03 ngày là sẽ trộm một lần. Tổng số tiền mà T khai nhận đã trộm là 450.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi nghìn đồng*). Đối với việc Đinh Ly V khẳng định việc Nguyễn Thanh T từng gọi điện và nói về việc lấy trộm được 15.000.000 đồng (*Mười lăm*

triệu đồng) của Nguyễn Thị T. Cơ quan CSĐT công an tỉnh Pt, công an phường ã tiến hành lấy lời khai, tiến hành đối chất giữa Đinh Ly V và Nguyễn Thanh T nhưng các đối tượng không thừa nhận việc lấy số tiền này. Đối với số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) mà bị hại Nguyễn Thị T trình báo bị trộm mất. Trong biên bản ghi lời khai, bản tự khai các ngày 02/7/2025, 08/7/2025, 16/8/2025, bị hại cho biết cuối tháng 5 khi kiểm tra tiền kinh doanh của quán bị hại phát hiện bị thâm hụt số tiền 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*). Tuy nhiên, do không biết lý do của việc thâm hụt nên không trình báo. Khi V và G thừa nhận đã trộm tiền vào 15/6/2025, bị hại nghi ngờ và cho rằng số tiền bị thâm hụt tháng 5 là do bị V trộm số tiền thâm hụt vào hồi tháng 5 năm 2025 nên khi trình báo bị hại đã trình báo số tiền bị trộm cấp là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*). Còn cụ thể mất trộm hay thâm hụt thì bị hại không rõ, chỉ biết bị mất số tiền 15.000.000 đồng vào tháng 6 do bị V và G trộm mất. Bên cạnh đó, bị hại cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, không có tài liệu nào thể hiện việc bị hại mất trộm số tiền trên. Do đó, chỉ có cơ sở để xác định số tiền bị trộm mất là 15.000.000 đồng chứ không phải là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) như đã trình báo trước đó.

Bản cáo trạng số: 14/CT- VKSCP ngày 13 tháng 9 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Pt đã truy tố Võ Trường G về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu.

Quá trình điều tra người bị hại chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị có thuê Võ Trường G; Đinh Ly V và Nguyễn Thanh T là nhân viên phục vụ tại quán ăn “3 em”, có địa chỉ tại số nhà 24, đường Hai Bà Trưng, tổ 9, (phường PLcũ), phường HB, tỉnh Pt do chị T, và Nguyễn Thị G làm chủ. Do là nhân viên của quán nên Võ Trường G, Đinh Ly V biết rõ chị T hay để tiền ở quán, nắm rõ lịch sinh hoạt của chị T tại quán. Cuối tháng 5 khi kiểm tra tiền kinh doanh của quán chị T phát hiện bị thâm hụt số tiền 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*). Tuy nhiên, do không biết lý do của việc thâm hụt nên không trình báo. Khi V và G thừa nhận đã trộm tiền vào 15/6/2025, chị T nghi ngờ và cho rằng số tiền bị thâm hụt tháng 5 là do bị V trộm số tiền thâm hụt vào hồi tháng 5 năm 2025 nên khi trình báo bị hại đã trình báo số tiền bị trộm cấp là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*). Còn cụ thể mất trộm hay thâm hụt thì bị hại không rõ, chỉ biết bị mất số tiền 15.000.000 đồng vào tháng 6 do bị V và G trộm mất. Bên cạnh đó, chị T cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, không có tài liệu nào thể hiện việc chị T mất trộm số tiền trên. Do đó, chỉ có cơ sở để xác định số tiền bị mất trộm là 15.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo Võ Trường G và gia đình cháu Đinh Ly V đã khắc phục bồi thường cho chị T số tiền 15.000.000 đồng chị Trang không có yêu cầu gì thêm, về hình phạt đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với Đinh Ly V là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 15 triệu đồng của Nguyễn Thị T vào ngày 15/6/2025 và còn khai nhận trộm cắp số tiền 250.000 đồng vào ngày 19/6/2025 tại quán. Tuy nhiên, tại thời

điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản Đinh Ly V chưa đủ 16 tuổi (15 tuổi 09 tháng 20 ngày) nên không phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Bộ luật hình sự. Công an phường HB đã ra Quyết định xử phạt hành chính.

Đối với Nguyễn Thanh T là người có hành vi trộm cắp tài sản nhiều lần vào tháng 5 năm 2025. Do các lần trộm cắp T diễn ra liên tục, trong thời gian ngắn nhưng tổng số tiền mà T trộm được là 450.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) chưa đủ để cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự. Công an phường HB đã ra Quyết định xử phạt hành chính.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội và tranh luận: Vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo đồng thời đánh giá tính chất, mức độ, vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Võ Trường G về tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo: Võ Trường G mức án từ 6 (sáu) đến 9 (chín) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự:

- Người bị hại đã nhận lại đủ số tiền bị mất trộm và không có yêu cầu gì thêm, nên đề nghị HĐXX không xem xét.

- Đề nghị giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Võ Trường G không có ý kiến gì tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo cải tạo trở thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Pt, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12-Pt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 - Pt đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người tham gia tố tụng khác đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt). Xét đã có lời khai của những người này trong quá trình điều tra và trong quá trình giải quyết vụ án. Tại tòa, không ai có ý kiến hoặc yêu cầu hoãn phiên tòa khi vắng mặt họ. Xét bị hại, người liên quan, người tham gia tố tụng khác không ảnh

hưởng đến việc giải quyết vụ án nên áp dụng Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người trên.

[2]. Về nội dung vụ án: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Võ Trường G đều khai nhận: Lợi dụng việc chị Trang sơ hở bị cáo cùng với Đinh Ly V đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp của chị T tổng số tiền là 15 triệu đồng chia nhau, trong đó V lấy 09 triệu đồng và chia cho G 06 triệu đồng. Hai người đã sử dụng vào mục đích cá nhân hết.

Xét lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Tài sản mà bị cáo trộm có giá trị trên 2.000.000 đồng nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 - Pt đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Do đó cần có mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do bị cáo gây ra để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt bổ sung đối với bị cáo bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tự nguyện khắc phục hậu quả, Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng Bị cáo đã đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1; khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự áp dụng cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Các bên đã khắc phục thiệt hại, thỏa thuận xong về phân trách nhiệm dân sự, nay không ai có yêu cầu đề nghị gì thêm, do đó Tòa không xem xét, giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị N đã bồi thường thiệt hại cho bị hại do bị cáo vận động số tiền 5.000.000 đồng, nay chị Nhung không yêu cầu bị cáo phải trả lại, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6]. Đối với Đinh Ly V là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 15 triệu đồng của Nguyễn Thị T vào ngày 15/6/2025 và còn khai nhận trộm cắp số tiền 250.000 đồng vào ngày 19/6/2025 tại quán. Tuy nhiên, tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản Đinh Ly V chưa đủ 16 tuổi (15 tuổi 09 tháng 20 ngày) nên không phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Bộ luật hình sự. Công an phường HB đã ra Quyết định xử phạt hành chính là đúng theo quy định của pháp luật.

[7]. Đối với Nguyễn Thanh T là người có hành vi trộm cắp tài sản nhiều lần vào tháng 5 năm 2025. Do các lần trộm cắp T diễn ra liên tục, trong thời gian ngắn nhưng tổng số tiền mà T trộm được là 450.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) chưa đủ để cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự. Công an phường HB đã ra Quyết định xử phạt hành chính là đúng theo quy định của pháp luật.

[8]. Về vật chứng vụ án: Cơ quan CSĐT đã thu giữ 01 giấy Căn cước công dân số 074096001309 cấp ngày 16/04/2021 của Võ Trường G được chuyển theo hồ sơ vụ án. HĐXX xét thấy đây là giấy tờ tùy thân hợp pháp của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định tại Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

[10]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 331 và điều 333 của BLTTHS.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo: Võ Trường G phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Về điều luật áp dụng và hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Bị cáo Võ Trường G 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/07/2025.

3. Về vật chứng vụ án: Trả lại cho bị cáo Võ Trường G: 01 (một) 01 giấy Căn cước công dân số 074096001309 cấp ngày 16/04/2021 mang tên Võ Trường G (hiện đang được lưu giữ trong hồ sơ vụ án).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Bị cáo Võ Trường G phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, Điều 332 và Điều 333 BLTTHS. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Pt;
- VKSND tỉnh Pt;
- Công an tỉnh Pt;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

- VKSND KV 12- Pt;
- Phòng THADS KV12-Pt;
- TT trợ giúp pháp lý NN số 3-Pt;
- UBND xã Minh Thạnh;
- Người có QLNVLQ;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Đức Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Đức Thịnh

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh HB;
- TAND tỉnh HB;
- VKSND huyện Cao Phong;
- Phòng PC 10 CAT Hòa Bình;
- Trại Tạm giam CA tỉnh Hòa Bình;
- Sở tư pháp tỉnh HB;
- UBND xã Thu Phong;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- THADS huyện Cao Phong;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa****Trần Đức Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Đức Thịnh

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh HB;
- TAND tỉnh HB;
- VKSND huyện Cao Phong;
- Công an huyện Cao Phong;
- Sở tư pháp tỉnh HB;
- UBND xã Bình Thanh;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLVN liên quan;
- THADS huyện Cao Phong;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa****Trần Đức Thịnh**

